

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Quản trị tài nguyên di sản

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đào tạo đại học
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Quản trị tài nguyên di sản
  - + Tiếng Anh: Heritage Resources Management
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản trị tài nguyên di sản
  - + Tên tiếng Anh: Bachelor in Heritage Resources Management

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có tiếp cận hiện đại về di sản, có khả năng tác nghiệp trong thực tiễn bảo tồn, phát huy các giá trị di sản theo hướng bền vững; có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và khả năng hội nhập quốc tế.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc về di sản có:

- Tư duy tổng thể và tiếp cận liên ngành trong các chủ đề liên quan đến di sản;
- Kiến thức nền tảng về di sản như khảo cổ, lịch sử, văn hóa, địa lý, kiến trúc, cảnh quan và các Công ước, luật pháp, quy định liên quan đến di sản;
- Kỹ năng phối hợp các kiến thức về quản trị, marketing, truyền thông, kinh doanh trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị di sản;
- Kỹ năng sử dụng hợp lý các nền tảng, công nghệ, phương pháp, công cụ trong các tác nghiệp quản lí, thực hành và nghiên cứu di sản;

- Kỹ năng kết nối và huy động sự tham gia của các bên liên quan và khả năng phát triển, thực thi các ý tưởng mang tính sáng tạo, khởi nghiệp về di sản;

- Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong quản lý, tác nghiệp và nghiên cứu di sản.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

Tuyển sinh bằng hình thức tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng, xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đề án tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của Khoa Các khoa học liên ngành được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

#### **3.2. Đối tượng dự tuyển**

- Là người Việt Nam đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, là học sinh đã hoàn thành chương trình học tập lớp 12, đáp ứng các điều kiện tuyển sinh theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Là người nước ngoài đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông hoặc tương đương, đáp ứng các điều kiện tuyển sinh theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh**

Dự kiến quy mô tuyển sinh khoảng 120 sinh viên/năm.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (K)**

1. Khái quát được những vấn đề lý luận về di sản như khái niệm, giá trị, sự hình thành và phát triển của các loại hình di sản trên thế giới và Việt Nam.
2. Phân tích được mối quan hệ giữa di sản với các vấn đề về kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa; mối quan hệ giữa di sản với nhà nước, cộng đồng và các bên liên quan khác.
3. Vận dụng được chính sách, luật pháp của Việt Nam cũng như Công ước quốc tế, khu vực trong việc giải quyết các vấn đề về quản lý, bảo vệ và phát huy di sản.
4. Vận dụng được các phương pháp, công cụ và công nghệ trong các hoạt động quản trị, nghiên cứu và bảo vệ di sản.
5. Vận dụng được các kiến thức về thiết kế, điều hành chương trình, sự kiện liên quan đến nghiên cứu, tác nghiệp, quảng bá và phát huy giá trị di sản;

### **2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (S)**

#### **2.1. Kỹ năng chuyên môn (S1)**

1. Có khả năng đánh giá giá trị, tiềm năng của các loại hình di sản;

2. Có khả năng nghiên cứu và đề xuất các biện pháp bảo vệ, phát huy di sản.
3. Có khả năng tham gia vào việc xây dựng, thực hiện các dự án, các chương trình phát triển về di sản; lập hồ sơ di sản.
4. Có khả năng làm việc được với các bên liên quan, phối hợp được các nguồn lực trong hoạt động bảo vệ và phát huy di sản;
5. Tham gia xây dựng và triển khai các mô hình kinh doanh, khởi nghiệp liên quan đến di sản;
6. Có khả năng vận dụng các nền tảng công nghệ trong thực tiễn quản lí, nghiên cứu và thực hành di sản.

## **2.2. Kỹ năng bổ trợ (S2)**

1. Kỹ năng làm việc độc lập, chủ động học hỏi và nghiên cứu các vấn đề quan tâm;
2. Sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung) tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
3. Có khả năng kết nối và tổ chức các nhóm làm việc trong các dự án, nhiệm vụ về di sản;
4. Kỹ năng quản lí thời gian, phân bổ công việc cá nhân, sử dụng tốt các công cụ công nghệ thông tin trong các hoạt động chuyên môn;
5. Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo;
6. Kỹ năng gây quỹ tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn di sản;

## **3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (R, M)**

1. Có tinh thần chịu trách nhiệm cao với các công việc của cá nhân và của nhóm mình tham gia hoặc lãnh đạo;
2. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
3. Lập được kế hoạch, điều phối và quản lí được các nguồn lực; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## **4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Quản trị Tài nguyên di sản có thể làm việc ở cả khối nhà nước, khối tư nhân và khối phi chính phủ, cụ thể tại một số cơ quan, đơn vị, tổ chức như:

- Các cơ quan quản lí di sản: Văn phòng chính phủ, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các chuyên viên thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; Bộ Ngoại giao, Ủy ban Văn hóa đối ngoại; các đơn vị, cơ quan có chức năng hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách trong khối nhà nước và tư nhân.

- Khối các cơ quan thực hành liên quan đến di sản: bảo tàng, thư viện; Các Ban quản lí di tích và danh thắng các cấp; Các vườn quốc gia; Các doanh nghiệp liên quan

đến di sản.

- Các doanh nghiệp, đơn vị dịch vụ của công nghiệp di sản trong khối nhà nước và tư nhân.

- Các cơ quan nghiên cứu và đào tạo về di sản: giảng dạy, nghiên cứu về di sản.

- Các cơ quan thông tấn, báo chí và truyền thông và các tổ chức phi chính phủ.

- Các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng thực hành di sản từ thấp đến cao, các tổ chức quốc tế liên quan đến di sản.

Với khả năng làm việc tại các cơ quan, tổ chức như trên, một số nhóm nghề nghiệp theo chuyên môn bao gồm tham gia nghiên cứu; tham gia quản lý di sản, tác nghiệp trực tiếp về di sản (bảo tồn, bảo tàng, lập hồ sơ,...); phát huy giá trị di sản, tư vấn về di sản. Cụ thể:

- Chuyên viên bảo tàng, bảo tồn, trùng tu;

- Cán bộ quản lý văn hóa, quản lý khu di tích, khu bảo tàng, khu bảo tồn;

- Cán bộ nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, lượng giá kinh tế di sản;

- Chuyên viên quảng bá di sản, tổ chức sự kiện, du lịch di sản cho các doanh nghiệp làm về di sản, du lịch;

- Cán bộ nghiên cứu, cán bộ làm các dự án phát triển về di sản, văn hóa, du lịch trong các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ hoặc các doanh nghiệp.

- Khởi nghiệp liên quan đến di sản.

## **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Quản trị tài nguyên di sản có thể học lên cao học chuyên ngành Di sản học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa... và các chuyên ngành gần, chuyên ngành phù hợp khác trong hệ thống đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội, của Bộ Giáo dục và đào tạo.

## **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng–an ninh, kỹ năng bổ trợ*): 131 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh, kỹ năng bổ trợ*): 21 tín chỉ

- Khối kiến thức lĩnh vực: 21 tín chỉ

+ Bắt buộc: 15 tín chỉ

+ Tự chọn: 6/12 tín chỉ

- Khối kiến thức khối ngành: 18 tín chỉ

+ Bắt buộc: 12 tín chỉ

+ Tự chọn: 6/12 tín chỉ

- Khối kiến thức nhóm ngành: 26 tín chỉ

+ Bắt buộc:	20 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/15 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	45 tín chỉ
+ Các học phần:	24 tín chỉ
* Bắt buộc:	16 tín chỉ
* Tự chọn:	8/16 tín chỉ
+ Thực tập:	15 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/tương đương:	6 tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung (không tính học phần GDTC, QPAN, Kỹ năng bổ trợ)</b>	<b>21</b>				
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	25	5	0	
7.	SIS1001	Tin học cơ sở <i>General Informatics</i>	3	15	30	0	
8.		Ngoại ngữ B1	5	20	35	20	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Foreign Language B1</i>					
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>					
	FLF1307	Tiếng Pháp B1 <i>French B1</i>					
	FLF1407	Tiếng Trung B1 <i>Chinese B1</i>					
9.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
10.		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
11.	SIS1002	Kỹ năng bổ trợ <i>Supplementary skills</i>	3				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức lĩnh vực</b>	<b>21</b>				
<b>II.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>15</b>				
12.	HRM1001	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	3	42	3	0	
13.	BRM1001	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	3	35	10	0	
14.	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương <i>General History of Vietnam</i>	3	42	3	0	
15.	BRM1002	Kinh tế học đại cương <i>General Economics</i>	3	30	15	0	
16.	BRM1003	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	30	15	0	
<b>II.2</b>		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>6/12</b>				
17.	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	25	5	0	
18.	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and</i>	2	26	4	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Development</i>					
19.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>	2	20	10	0	
20.	SIS1003	Tư duy sáng tạo và phản biện <i>Creative and Critical Thinking</i>	2	25	5	0	
21.	HRM1002	Nhân học đại cương <i>General Anthropology</i>	2	25	5	0	
22.	SIS1004	Tư duy thiết kế <i>Design Thinking</i>	2	25	5	0	
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>18</b>				
<b>III.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>12</b>				
23.	HRM2001	Di sản và các loại hình di sản ở Việt Nam <i>Heritage and Domains of Vietnamese Heritage</i>	3	30	15	0	
24.	HRM2002	Đại cương khảo cổ học và di sản <i>General Archaeology and Heritage</i>	3	30	15	0	
25.	HRM2003	Đại cương nghiên cứu văn hoá và di sản <i>General Cultural Studies and Heritage</i>	3	30	15	0	
26.	GLO3093	Tài nguyên cảnh quan địa chất <i>Geographical Landscape Resources</i>	3	30	10	5	
<b>III.2</b>		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>6/12</b>				
27.	HRM2004	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam <i>Beliefs and Religions in Vietnam</i>	2	25	5	0	HRM2003
28.	HRM2005	Di sản Hán Nôm ở Việt Nam <i>The Sino-Nôm Heritage of Vietnam</i>	2	25	5	0	
29.	HRM2006	Kiến trúc cổ và các đô thị cổ ở Việt Nam <i>Ancient Architectures and Cities in Vietnam</i>	2	25	5	0	
30.	HRM2007	Lễ hội và quản lí lễ hội ở Việt Nam <i>Festival and Festival</i>	2	25	5	0	HRM2003

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Management in Vietnam</i>					
31.	HRM2008	Di sản ngôn ngữ các dân tộc Việt Nam <i>Language Heritage of Vietnam's Ethnic Groups</i>	2	25	5	0	HRM2003
32.	CRD1012	Các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam <i>The Art Domains in Vietnam</i>	2	25	5	0	
<b>IV</b>		<b>Khôi kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>25</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>20</b>				
33.	HRM2009	Công ước, pháp luật và thực thi chính sách về di sản <i>Conventions, Laws and Enforcement of Heritage Policy</i>	3	35	10	0	HRM2001
34.	BRM2003	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	35	10	0	BRM1001
35.	HRM2010	Bảo tàng và di sản <i>Museums and Heritage</i>	3	25	20	0	
36.	HRM2011	Di sản và cộng đồng <i>Heritage and Community</i>	2	20	10	0	
37.	HRM2012	Phương pháp nghiên cứu khoa học và điền dã <i>Scientific Research and Fieldwork Methods</i>	3	25	20		HRM2002
38.	BRM3007	Truyền thông Marketing tích hợp <i>Integreated Marketing Communication</i>	3	25	20	0	BRM1001 BRM1003
39.	HRM2013	Du lịch di sản bền vững <i>Sustainalbe Heritage Tourism</i>	3	25	20	0	
<b>IV.2</b>		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>6/15</b>				
40.	BRM2013	Khởi sự kinh doanh <i>Start-up</i>	3	20	25	0	BRM1001
41.	LEM2002	Nhập môn Công nghiệp văn hóa và sáng tạo <i>Introduction to Cultural amd Creative Industries</i>	3	25	20	0	
42.	BRM2012	Thương hiệu, PR và quảng cáo <i>Branding, PR and</i>	3	30	15	0	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Advertisement</i>					
43.	HRM2014	Marketing tài nguyên di sản <i>Marketing for Heritage Resources</i>	3	30	15	0	BRM1003 HRM2001
44.	HRM2015	Nhân học về di sản <i>Anthropology of Heritage</i>	3	35	10	0	HRM1002
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>45</b>				
<b>V.1</b>		<b>Các học phần</b>					
V.1.1		<i>Học phần bắt buộc</i>	16				
45.	HRM3001	Quản trị và di sản <i>Governance and Heritage</i>	3	30	15	0	BRM1001 HRM2001
46.	HRM3002	Bảo tồn và phát huy di sản <i>Heritage Safeguarding and Promotion</i>	4	40	20	0	HRM2001
47.	HRM3003	Ứng dụng công nghệ trong quản lí, bảo vệ và phát huy di sản <i>Application of Technology in Managing, Safeguarding and Promoting Heritage</i>	3	25	20	0	HRM2001
48.	HRM3004	Quản trị doanh nghiệp liên quan đến di sản <i>Corporate Governance Related to Heritage</i>	3	30	15	0	HRM3001
49.	HRM3005	Xây dựng và quản lí dự án di sản <i>Developing and Management of Heritage Projects</i>	3	25	20	0	HRM3001
V.1.2		<i>Học phần tự chọn</i>	8/16				
V.1.2.1		Về bảo vệ di sản	8				
50.	HRM3006	Sưu tầm, tư liệu hóa, kiểm kê và lập hồ sơ di sản <i>Collecting, Documenting, Inventorying and Developing Heritage Dossiers</i>	2	20	10	0	
51.	HRM3007	Di sản nghề thủ công ở Việt Nam <i>Handicraft Heritage in Vietnam</i>	2	20	10	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
52.	HRM3008	Bảo tồn di sản thiên nhiên và cảnh quan <i>Protections of Natural Heritage and Landscape</i>	2	20	10	0	
53.	HRM3009	Đánh giá và bảo vệ di sản dưới tác động của môi trường <i>Assessing and Protecting Heritage under the Environment's Impacts</i>	2	20	10	0	HRM3001
V.1.2.2		Về khai thác, phát huy di sản	8				
54.	LEM3021	Sự kiện văn hóa nghệ thuật <i>Arts and Cultural events</i>	2	15	15	0	
55.	HRM3010	Phim và nhiếp ảnh về di sản <i>Heritage Film and Photography</i>	2	10	20		
56.	HRM3011	Thiết kế sản phẩm truyền thông về di sản <i>Design for Communicating Heritage</i>	2	10	20	0	
57.	HRM3012	Hướng dẫn du lịch di sản <i>Heritage Tourism Guide</i>	2	20	10	0	
<b>V.2</b>		<b>Thực hành và thực tập</b>	<b>15</b>				
58.	HRM4001	Thực hành nghiệp vụ di sản <i>Heritage in Practice</i>	5	15	60	0	HRM3002
59.	HRM4002	Thực tập nghề nghiệp <i>Internship</i>	10	30	120		HRM4001
<b>V.3</b>		<b>Khóa luận tốt nghiệp/tương đương</b>					
60.	HRM4050	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	6	10	80	0	
		<i>Học phần tương đương</i>					
61.	HRM4061	Xây dựng dự án bảo tồn di sản. <i>Developing Heritage Safeguarding Project</i>	2	20	10	0	HRM3002
62.	HRM4062	Xây dựng dự án giáo dục di sản <i>Developing Heritage Education Project</i>	2	20	10	0	HRM3002
63.	HRM4063	Xây dựng dự án phát triển du lịch di sản <i>Developing Heritage Tourism Project</i>	2	20	10	0	HRM3002

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		Tổng	131				